

Chữ i và y Trong Chính Tả Tiếng Việt

Đoàn Xuân Kiên

Chính tả tiếng Việt ở cuối thế kỉ XX đang còn một số khá lớn những vấn đề cần giải quyết nhưng lại bị bỏ lửng quá lâu. Công luận thỉnh thoảng vẫn thường lên tiếng yêu cầu đặt lại vấn đề sửa đổi cách viết sao cho hợp lí, đúng chính tả truyền thống. Một trong số những vấn đề đã tồn hao khá nhiều giấy mực là vấn đề chính tả của chữ i và y. Ngược lại quá khứ có thể thấy là vấn đề này đã được đặt ra từ rất sớm, ít ra là từ thời Hội nghị Khảo cứu Viễn đông năm 1902. Tại hội nghị này, một Ủy ban xét về việc sửa đổi chữ quốc ngữ đã lên một danh sách các đề nghị sửa đổi đệ trình lên phủ Toàn quyền lúc bấy giờ. Một trong những đề nghị của Ủy ban này là: nên trở lại nguyên tắc chính tả do Alexandre de Rhodes đưa ra, nghĩa là không nên tùy tiện đổi i thành y trong một số trường hợp. Chẳng hạn theo nguyên tắc của de Rhodes thì lối viết ky, ly, my không có lí do chính đáng so với lối viết mi, ki, li. Từ đó đến nay đã gần tròn thế kỉ. Cũng kể từ De Rhodes đến những thập niên đầu thế kỉ XX, vấn đề này càng trở nên rối loạn vì hiện tượng tùy tiện trên sách báo và trong giáo dục nhà trường. Đã có nhiều bậc thức giả đặt vấn đề chính tả này ra để lưu ý giới hữu trách (*chính quyền, nhà trường và giới truyền thông*) về một vấn đề nhỏ nhưng phức tạp. Đáng tiếc là suốt mấy mươi năm nay, sự đáp ứng trong học giới và ngoài công luận thường rất dè dặt, lơ là.

Trong số những điều bất hợp lí về chính tả tiếng Việt, có những điều đã đi vào tập quán ngôn ngữ: chẳng hạn, chúng ta có bài và bày, khi nói ra chỉ khác nhau ở âm chính a đọc bình thường, và ã là thể ngắn của a. Thế nhưng khi viết, thể ngắn của âm chính đã chuyển trách nhiệm về bán âm cuối i và y để phân biệt a ngắn và dài.

Tuy nhiên, cũng có những bất nhất tạo ra do sự nhầm lẫn hay bất cẩn của một số người soạn từ điển, sách báo để lại.

Trong bài này, chúng tôi xin nêu điều các tác giả đi trước mà xem xét lại vấn đề chính tả chữ i và y. Nhân đó chúng tôi đề nghị một cách giải quyết cho vấn đề dạy chính tả này do chúng tôi áp dụng nhất quán trong khi soạn tài liệu dạy tiếng Việt trong bộ sách giáo khoa Học Kĩ Đọc Đúng dành cho trẻ mới bắt đầu học đọc, do nhà Zwijzen ấn hành tại Hoà Lan. Chúng tôi mạnh dạn đưa ra mấy nhận định về nguyên nhân của hiện tượng bất nhất trong chính tả chữ i và y như ta thấy hiện nay. Và sau cùng là khôi phục lại những quy tắc mà chính tả chữ i và y mà tiếng Việt hiện đại chấp nhận.

CÁCH VIẾT I VÀ Y TRƯỚC NAY

Trước hết, thiết tưởng cũng cần nêu lên đây một nét chính của nguyên tắc chính tả tiếng Việt là nguyên tắc kí âm, nghĩa là phát âm làm sao thì viết ra như thế, và mỗi âm được biểu thị bằng một kí hiệu (*chữ cái*). Lí thuyết thì như thế; nhưng trên thực tế thì chính tả tiếng Việt hiện nay vẫn có những điểm không sát hợp với phát âm. Trong số những hiện tượng chữ viết đi lạc khỏi hệ thống chính tả có trường hợp chữ *i* và *y*. Xưa nay, hai chữ cái này dùng để ghi lại cùng một nguyên âm /i/: *đi*, *luy*. Ngoài ra, hai chữ cái này cũng dùng để ghi hai âm cuối, tức là một âm phụ để khép âm tiết lại. Âm cuối này viết là *i* hay *y* là tùy theo nguyên âm trước đó ngắn hay dài: sau nguyên âm dài thì âm cuối này viết là *i* (*chẳng hạn: hai, phơi*), và sau nguyên âm ngắn sẽ viết là *y* (*chẳng hạn: may, cây*). Dưới đây chúng ta sẽ duyệt lại cách viết của *i* và *y* trong ba vai trò: nguyên âm và âm cuối của âm chính dài và của âm chính ngắn. Chúng tôi đã xem xét lại chính tả của chữ *i* và *y*, và ghi nhận những trường hợp sau đây:

1. *si/sy - li/ly - kí/ký*: chữ *i* và *y* đặt ở sau phụ âm đầu, làm phần âm chính của âm tiết
2. *sinh - lính - kính - xiù - :* chỉ dùng chữ *i* trong phần chính của âm tiết mà không bao giờ dùng chữ *y*
3. *hia - bià - điã - hiên - biết - giếng*: chữ *i* đi kèm với nguyên âm *ê* để làm thành tổ hợp âm chính của âm tiết
4. *yêu - yển - yếng*: tương tự như trường hợp 3 trên đây, nhưng chỉ dùng chữ *y*
5. *im - iu - ý - y - ý/i*: chữ *i* và *y* đều đứng ở đầu âm tiết
6. *quí/quýt - huyện - thúy - nguy*: chữ *i* và *y* trong các tổ hợp nguyên âm chúm môi (*nghiã là khi viết thì có chữ u đặt trước nguyên âm chính*)
7. *mai - cúi - mây - cay - cai* : chữ *i* và *y* là hai bán âm cuối đi theo sau một nguyên âm để khép âm tiết lại.

Trong số những trường hợp trên đây, chỉ có hai trường hợp 2 và 3 là dứt khoát, không có tình hình nước đôi, dùng lẫn cả *i* và *y*; ngoài giả, năm trường hợp còn lại hình như có tình trạng hai chữ *i* và *y* dùng thông lẫn nhau.

Xem xét kĩ thì hiện tượng *i* và *y* không phải là có thể dùng tùy tiện, không theo nguyên tắc nào. Trong năm trường hợp còn lại, có thể nhận thấy ngay là chúng ta có thể tách được hai nhóm 4 và 5, vì chúng có những nét sóng đôi với hai nhóm 2 và 3: tất cả đều là thành phần âm chính của âm tiết. Chỉ có điểm khác biệt duy nhất: một đằng *i* và *y* đứng ở đầu âm tiết (*nhóm 4 và 5*), một đằng thì có phụ âm đầu đi trước (*nhóm 2 và 3*). Dựa trên nét khu biệt này mà chúng tôi quy bốn nhóm vào một loại, phân tích bậc hai để nhận ra quy tắc của chúng. Cuối cùng chỉ còn lại nhóm 1 là nhóm rắc rối nhất trong khi viết chính tả hai chữ *i* và *y*.

Duyệt lại vấn đề, mục đích của chúng tôi chỉ là đề nghị các giới liên quan tạo điều kiện để giảm thiểu những bất nhất, rắc rối cho những ai học và dạy tiếng Việt. Từ đó, chúng tôi muốn góp phần đặt lại vấn đề chính tả này sao cho "*hợp lí*" hơn. Bài viết có thể chỉ cần một đoạn ghi năm quy tắc (*bảng 3*) là đủ. Nhưng chúng tôi muốn tìm hiểu thêm: tại sao có hiện tượng bất nhất

trong lối viết chính tả chữ i và y như chúng ta thấy hiện nay. Ngược lại lịch sử của vấn đề, chúng tôi nhận thấy là chính tả chữ i và y lộn xộn không phải là vì thiếu nguyên tắc chính tả, nhưng là do sự bất chấp nguyên tắc của những người biên soạn từ điển từ De Rhodes trở xuống.

Căn cứ vào một số văn bản rải rác từ thế kỉ XVII về sau này, có thể nói là lối viết chữ i và y đã trải qua một số những thay đổi kể từ khi chữ quốc ngữ ra đời đến nay đã hơn ba trăm năm.

1. Thế kỉ XVII:

Năm 1651 đánh dấu sự ra đời của bộ từ điển *Dictionarium Annamiticum-Lusitanum et Latinum* (thường gọi là *Từ điển Việt-Bồ-La*) của Alexandre de Rhodes. Bộ từ điển này có in kèm một phần Báo Cáo Vấn Tắc Về Tiếng An Nam Hay Đông Kinh. Đây chính là bản văn về ngữ pháp tiếng Việt đầu tiên được viết bằng chữ quốc ngữ nay còn giữ được. Trong mục viết về chữ i, tác giả viết: I, chúng tôi chỉ sử dụng i nguyên âm, bởi vì tất cả công dụng của i phụ âm được thực hiện tốt hơn bằng chữ g, và lại i nguyên âm sử dụng như chúng ta; tuy nhiên, để tránh sự lẫn lộn, chúng tôi chỉ dùng i nguyên âm ở giữa và cuối tiếng: ở giữa tiếng, thí dụ biết, scire (hiểu biết), và ở cuối tiếng, thí dụ bí, cucurbita Indica (*quả bí*); nhưng cần ghi nhận rằng chúng tôi sẽ dùng y ở cuối từ khi nào nó làm thành nhị trùng âm mà vẫn tách biệt, thí dụ éy, ille (*cái ấy*), còn khi chúng tôi viết với i nguyên âm thì đó là dấu hiệu vẫn không tách biệt, thí dụ ai, quis (*ai*); chúng tôi không dùng hai chấm ở trên các nguyên âm để tránh sự gia tăng quá nhiều dấu hiệu; cần lưu ý một lần cho xong là i ở cuối từ sau một nguyên âm khác thì không làm thành một vần khác tách biệt, còn khi viết với y Hi Lạp thì bấy giờ vẫn bị tách biệt, thí dụ cai, superior (*cao hơn, bề trên*), cây, arbor (*cây cối*). Cũng ở đầu tiếng, nhất là trước một nguyên âm khác, thì chúng tôi dùng y Hi Lạp, nhưng đừng ai cho đó là phụ âm, thí dụ yếu, debilis (*yếu đuối*), yả, cacare (*ỉa, phóng uế*).

Đại ý của đoạn văn trên là đưa ra bốn nguyên tắc viết chữ i và y mà chúng tôi tóm thành nguyên tắc (a), (b), (c), (d) ghi trong Bảng 1 dưới đây:

- a) chữ i dùng để ghi nguyên âm của âm tiết, có thể là nguyên âm đơn / i / hay nguyên âm đôi / ie / : bí, biết;
- b) khi là bán âm thì i được viết sau nguyên âm thường: cai;
- c) chữ cái y dùng để ghi nguyên âm / i / đứng đầu âm tiết: yếu, yả (ỉả);
- d) chữ y bán âm đi sau nguyên âm ngắn: cây, ấy.

(Bảng 1)

Các từ có âm / i / trong phần từ điển đã được viết theo nguyên tắc chính tả này. Chúng tôi sẽ trích dẫn các mục từ trong bộ từ điển, xếp lại theo thứ tự bốn nguyên tắc vừa nêu, làm thí dụ dẫn chúng:

- (a) i (áo), í, bí, gì, kinh kì, lí, gia giảm, chiêm, chiếc, biếu, huỷ báng, huỷ cưới, huyện=huiện, uy nghi qui, quí, qui, huiện (huyện), huiệt (huyệt), quiền (quyền), quiền (quyền) sách;
- (b) bóii, xoi, ngòii, nuòii, ùi, uoi (voi);
- (c) yém, yém, yèn, yén (yén) sào, yêu, yếu, yếu;
- (d) rày, rày, thay, nầy, đừùt dey (dây), lèy, lèy,

Nếu nhận những nguyên tắc trên đây do A. de Rhodes đưa ra là mẫu mực của thời kì này, thì cũng cần ghi nhận hiện tượng là có thể có những lối viết khác cùng tồn tại nhưng đã không được đa số dùng theo. Chẳng hạn, nguyên tắc (a) trong văn kiện của Gaspar d'Amaral (1632) có chỗ viết hơi khác: nghĩa (*ngĩa*) an xã, thuyền thui (*thuyền thuy*); nguyên tắc (b) trong văn bản của D'Amaral nói trên và của Văn Tín, Bento Thiện (1659) được viết dưới dạng: blòy (*trời*), mlòy (*lời*) lại (*lại*), tòi (*tôi*), mừòi hay (*mừòi hai*), lạy (*lại*)... Những sai biệt như thế không phải là nhiều. Từ điển Việt-Bồ La của de Rhodes có lẽ đã nhanh chóng trở thành sách tham khảo của những người muốn dùng chữ quốc ngữ thời ấy, và những qui tắc chính tả do ông thiết định sớm trở thành chuẩn mực cho mọi người. Tuy vậy, có một điểm không nhất quán trong nguyên tắc (a) đối với lối viết âm / i / có chún môi: uie (*huiện*) = uyê (*huyện*), và ui (*qui*) = uy (*tuy*). Điểm lúng túng này sẽ dẫn theo những sai biệt trong những thời kì sau này.

2. Thế kỉ XVIII:

Chúng tôi hiện chưa đủ tài liệu để nói đầy đủ về giai đoạn này. Tuy nhiên, theo một tư liệu có được là những phóng ảnh năm trang trong bộ từ điển Dictionarium Anamatico-Latinum của cố Pigneau de Béhaine soạn năm 1777, có thể hình dung diện mạo của chính tả hai chữ i và y giai đoạn này tương đối ổn định. Sau đây là các từ nhặt ra từ năm trang hiếm hoi đó và xếp theo bốn nguyên tắc trên kia: (a) thì, thi, tiết, rao truyền; (b) ai, ái, người; (d) áy náy, áy, vậy. (*Chúng tôi không có thí dụ nào về nguyên tắc (c) qua mấy trang phóng ảnh hiếm hoi nọ.*)

Tài liệu vừa dẫn có trích lục lại một thí dụ cho thấy vẫn còn hiện tượng nước đôi khi viết âm / i / chún môi: (lây làm) qui, (làm) quy.

3. Thế kỉ XIX:

Bộ từ điển Dictionarium Anamitico-Latinum (Nam Việt Dương Hợp Tự V) của A. J. L Taberd in tại Serampore năm 1838. Đại để, bộ từ điển này vẫn theo bốn nguyên tắc chính tả nêu ở trên : (a) hí, kì , khi, lí = lý, mĩ, quí, chịu, ùi, điều, huyền, (b) nói, ngại, trái, củi; (c) ý, yả(ia), yém, ym (im); (d) bay, khảy, màý, gảy...

Đến Taberd thì khuynh hướng dễ dãi giữa i và y nguyên âm đã tăng thêm: y của nguyên tắc (c) nay thay cho i khi đứng một mình [thuộc nguyên tắc (a) của thế kỉ XVII], và thay thế i trong một số trường hợp khác ở giữa âm tiết mà không có lí do. Nguyên tắc (a) thời de Rhodes nay đã bị xáo trộn.

Sự dùng lẫn lộn giữa i và y càng tăng dần về sau. Bộ Dictionnaire Annamite Francais của Legrand de la Liraye (1874) theo lối viết i và y như Taberd; hơn thế, ông còn cho im =ym, kỳ dị, kỳ tị, tự kĩ, kĩ cang, bệnh lị, lý lẽ... Có thể nói là sự hỗn loạn bắt đầu từ sự phá vỡ tính nhất quán

của nguyên tắc (a) trước tiên. Khuynh ướng đó kéo dài về sau, qua Theurel khi soạn Tự Vị An Nam- La Tinh (*Ninh Phú, 1877*). Tác giả này đã theo đúng những lối viết không nhất quán tìm thấy ở hai bộ Taberd và de la Liraye.

Huỳnh Tịnh Của xuất bản hai tập Đại Nam Quốc Âm Tự Vị (1895-96), ông đã kế thừa một sự phá vỡ nguyên tắc (a), cho nên ông có huỷ nhưng lại có huịch, huiên, huyên, huinh, kí = ký, kì = kỳ, li =ly, lý, khuia, khuinh, khuynet, quiên = quyên, quiên = quyền, quít, quyết.

Khi J. F. M Génibrel soạn Dictionnaire Annamite-Francais (Saigon,1898) thì nguyên tắc (a) và (c) đã trở nên khó phân biệt so với thời de Rhodes. Trang 330-331 cho thấy rõ sự nhập nhằng này khi ông cho i và y vừa có thể đứng đầu âm tiết vừa đứng giữa: ích, ìch, iếp (cá muối), iệp=yêm, im=ym, quí, chuyên, khuynet. Hoặc giả, mục từ K gồm toàn i nhưng đến mục L thì có cả i lẫn y: lì, lị, li=ly, lí=lý. Các mục từ khác cũng thế, không có sự phân định nào rõ rệt giữa i và y như ở nguyên tắc (a): huyên = huiên, huy, huích, khuy, khuia, khuinh=khuynh, nguích, nguít, nguy, nguyên, quinh, quyên, quyết...

Những trích dẫn ở cuối đoạn trên cho thấy có sự chập lẫn cách dùng giữa i và y trong các mục từ H, KH khi viết các âm chúm môi ui=uy và uiê=uyê, nhưng lại không có tình trạng như thế ở các mục Q và T. Một điểm đáng chú ý nữa là âm / i / chúm môi kèm theo âm cuối / nh / thì chỉ có một từ viết với y: khuynh, ngoại giả chỉ có huinh, quinh. Những trường hợp khác thì dùng ui=uy: huy, khuy, quít,huích, huyên=huiên, tuy. Từ những bất nhất như thế của nhà làm từ điển đến thói quen tùy tiện của người sử dụng ngôn ngữ chỉ là một bước ngắn...

4. Thế kỉ XX:

Trước tiên là chính tả trong hai bộ từ điển có uy tín hàng đầu, đã có ảnh hưởng lớn đối với chính tả tiếng Việt hiện đại: bộ Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (*Hà nội, 1931*) và Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh (*Huế, 1931*).

Khi biên soạn Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh tỏ ra rất có ý thức tìm đặt "*tiêu chuẩn và căn cứ cho Quốc văn*", nghĩa là có cả tiêu chuẩn chính tả cho nó. Về mặt chính tả, tác giả đã áp dụng bốn nguyên tắc cho i và y ra sao ? Có thể nói là ông theo đúng các lối viết theo nguyên tắc (b), (c) và (d) như trước kia. Riêng với nguyên tắc (a) thì có thể rút ra một số quy tắc mà ông đề ra rất nhất quán: y theo sau các âm đầu / h /, / k /, / l /, /m/, / t / và khi có chúm môi: hy, kỷ, lý, mỹ, ty, huy, huyễn, luyễn, nguyệt... Trừ một ngoại lệ: qui. Quy tắc chính tả này sẽ có ảnh hưởng rất mạnh về sau này, bởi vì số lượng từ khởi đầu với h, k, l, m, t và những từ có / i / chúm môi chiếm khối lượng khá lớn.

Bộ Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức đã không theo các quy tắc chính tả trong Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh. Mặc dù ra cùng thời, bộ Khai Trí Tiến Đức đi con đường khác hẳn. Các tác giả ra công điển chế khá nhiều về bốn nguyên tắc chính tả đặt ra từ thời de Rhodes. Nguyên tắc (a) đã được áp dụng chặt chẽ với i, trừ một số trường hợp: trước hết là với âm đầu / k / và không có âm phụ cuối, đều nhất loạt viết với y : ky, ký, kỳ, kỷ, kỹ, ky. Sau nữa là âm / i / chúm môi đều viết với uy : huy, huỳnh, khuynh, nguýt, quỳnh. Chỉ có một ngoại lệ là ui khi viết với q: quí, quít. Nguyên tắc (c) của de Rhodes nay đã tỏ ra không còn xác đáng nữa, vì cả i và y

đều đứng đầu âm tiết: ia, ích, im, iu, y, y, ÿ, yêu, yêu. Nguyên tắc (b) và (d) thì không có khác biệt gì so với thời de Rhodes.

Nhìn chung, nguyên tắc chính tả của i và y trong bộ tự điển Khai Trí Tiến Đức khá nhất quán. Có thể nói là bộ tự điển này đã giữ sát nguyên tắc chính tả (a), (b) và (d) đối với trường hợp i và y. Số lượng các từ ra ngoài nguyên tắc không nhiều nếu so với các bộ từ điển soạn ở thế kỉ trước. Tuy thế, một vài sai biệt nhỏ như ở mục từ K sẽ vẫn tạo điều kiện cho những kẽ hở lớn về nguyên tắc về sau này. Bộ Việt Nam Tự Điển và Hán Việt Từ Điển là hai bộ từ điển giá trị, được công luận dùng nhiều; một dạo đã được bộ giáo dục miền nam công khai chỉ thị nhà trường dùng làm từ điển tiêu chuẩn để dạy chính tả. Do vậy ảnh hưởng của chúng sẽ rất sâu rộng đối với sự phân tán quan điểm về chính tả tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX.

Tiếp nối khuynh hướng muốn chỉnh đốn chính tả, Gustave Hue ấn hành bộ Tự điển Việt-Hoa-Pháp (*Quy nhơn, 1934*). Lời tựa sách có đề cập vài nét về nguyên tắc chính tả về chữ i và y như sau: "*Hai chữ y và i hình như chỉ một âm, nửa nguyên âm hay nguyên âm tùy trường hợp và việc dùng hai chữ này tách biệt thì không có lí cơ nghiêm chỉnh. Do đó, để duy trì truyền thống thì chúng tôi giữ chính tả cổ xưa.*" Phần từ điển cho thấy rõ tác giả giữ sát nguyên tắc (a) khi viết i ở cuối âm tiết: hi, ki, li, mi, qui, ti. Chính tả "*truyền thống, cổ xưa*" nhắc đến trong lời tựa là nói về những nguyên tắc từ thế kỉ XVII. Điều đáng nói ở đây là xu thế muốn điển chế lại những hiện tượng bất nhất gây ra trong thế kỉ trước. Ở điểm này, Gustave Hue gặp gỡ quan điểm của Hội Khai Trí Tiến Đức.

Sau 1954, hai miền Nam Bắc đều có những công trình từ điển mới, có những hoạt động nhằm tiến đến chính sách về ngôn ngữ nói chung và chính tả nói riêng. Do vậy mà có những Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ tại Sài Gòn (1956) và Hội Nghị Cải Tiến Chữ Quốc Ngữ tại Hà Nội (1959). Cả hai hội nghị ở hai đầu đất nước đều lên những danh sách đề nghị sửa đổi chính tả. Những đề nghị sửa đổi ở cả hai miền thật ra cũng không vượt xa hơn những đề nghị của Ủy Ban Cải Cách Chữ Quốc Ngữ (1902) về tính cách tiên phong của chúng, mà chỉ là những thôi thúc hợp lẽ của thời đại mà thôi. Nhưng tất cả đều chỉ là những bản đề nghị không được công chúng và chính quyền lắng nghe, vì tình hình chưa thuận tiện (!), nên chóng rơi vào quên lãng.

Có vài công trình nghiên cứu ở hai miền có liên quan trực tiếp đến vấn đề chính tả, nổi bật là các bộ Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị của Lê Ngọc Trụ (*Sài Gòn, 1959*), Từ Điển Chính Tả Phổ Thông của Viện Văn Học (*Hà Nội, 1963*). Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị giữ các nguyên tắc chính tả (b) và (d) khi i và y là bán âm ở cuối âm tiết. Nhưng ông bắt nhất trong nguyên tắc (a) khi vừa dùng i lại vừa dùng y là nguyên âm: i, dĩ, li, lĩ, mi, ni, phi, sĩ, tỉ, ti, vĩ, xỉ, xì -- ý, kỷ, lý, mỹ, ty. Có thể nói là về mặt chính tả chữ i và y thì Lê Ngọc Trụ không phân minh nên đã tự mâu thuẫn với chính mình: cùng một khuôn âm mà ông viết hai cách khác nhau: lý, vĩ; thậm chí cùng một chữ hán việt chỉ cái mũi, ông viết ty (tr. V) và tỉ (tr. XIX). Tác giả cũng lúng túng khi dùng nguyên tắc (c), nên ông vừa có i lại vừa có y. Chính tả của i và y trong quyển tự vị này là một bước lùi so với Việt Nam Tự Điển.

Trong vòng hai mươi năm chia cắt, hai miền Nam Bắc đều có nhiều từ điển mới ra. Tuy nhiên, không có bộ nào được soạn ra theo một phương pháp chặt chẽ về cách chọn mục từ, chọn giải nghĩa, và phương pháp chính tả. Chỉ riêng về phương pháp làm từ điển thôi đã cho thấy hiện tượng dẫm chân tại chỗ nếu không nói là những bước lùi so với bộ từ điển Khai Trí Tiến Đức.

Đối với cách viết i và y thì lại càng bất nhất. Nói cho đúng thì riêng trong nam, thời gian này, cũng đã có những cố gắng bút phá thói quen tùy tiện về chính tả. Những nỗ lực này bắt đầu tại một số giảng đường đại học, một số nhà soạn sách giáo khoa có ý thức ngôn ngữ, và một số nhà văn hoá và báo chí có quan tâm đến chính tả tiếng Việt. Trong số các học giả có ý thức kiên trì về vấn đề chính tả ở trong nam có Hoàng Xuân Hãn, Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê, và Trần Ngọc Ninh. (5) Các vị đã làm một cố gắng can đảm là dứt khoát khôi phục nguyên tắc (a) cho chính tả i và y trong chừng mức mà chính tả tiếng Việt hiện đại chuẩn nhận. Trên các trang sách của các tác giả này không hề thấy sự lẫn lộn thường gặp lúc bấy giờ. Trên báo chí thì chỉ có kí giả Nguyễn Hữu Ngu là triệt để hơn cả: ông dứt khoát bỏ nguyên tắc (c) mà xem i ở đầu hay ở giữa âm tiết đều có giá trị ngang nhau; đối với nguyên tắc (a) cũng thế, ông xem âm i là kí hiệu duy nhất, dù chúm môi hay không. Nguyên lỗi viết bút hiệu đã thể hiện rõ quan điểm chính tả của ông về vấn đề này: Nguyễn Ngu Í. Ông là một trường hợp duy nhất trong làng báo Việt Nam trước nay đã làm được việc như thế. Tiếc thay, những cố gắng của ông không đủ để tạo nên một phong trào lớn rộng nếu không nói là ít nhiều còn bị dư luận hẹp hòi cho là lập dị. Theo sự tìm tòi chưa đầy đủ của chúng tôi thì bốn học giả nêu trên cũng chưa hề minh nhiên bàn về quan điểm chính tả của các vị.

Sau 1975, một công trình làm từ điển tiếng Việt do Viện Ngôn Ngữ chủ quản đã tạo một bước tiến rõ rệt về các mặt của phương pháp từ điển ngôn ngữ: số lượng các mục từ và các từ và ngữ phái sinh, cách định nghĩa, chú thích, thí dụ. Về mặt chính tả thì ban chủ biên nêu rõ là họ theo đúng các Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt trong các sách giáo khoa, được ban hành theo Quyết định số 240/QĐ Ngày 5.3.1984 của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục. Nguyên âm i cuối âm tiết được viết thống nhất bằng -i (*viết hi, ki, li, mi, ti, thay cho hy, ky, ly, my, ty*), trừ -uy (/ -wi /) vẫn viết -uy (*luy, tuy...*) để giữ sự thống nhất với với uyên, uyết, uyt. Trong tình trạng chính tả tiếng Việt hiện nay thì đây là một bước cải tiến hợp lí, nên tránh được tối đa những bất nhất về phương pháp chính tả. Vì đây chính là nguyên tắc (a) trong chính tả của chữ i và y mà đã từ quá lâu phải chịu những xáo trộn do ảnh hưởng của những pho từ điển soạn rải rác từ sau de Rhodes.

Tóm lại, chính tả của i và y đã trải qua tình trạng bất nhất suốt một thời kì dài kể từ sau de Rhodes. Mặc dù đã có nhiều đề nghị sửa đổi từ 1902 đến nay, tình trạng vẫn không ngã ngũ.

TẠI SAO CÓ TÌNH TRẠNG BẤT NHẤT VỀ CHÍNH TẢ CỦA I VÀ Y?

Chính tả của i và y không được nhất quán vì nhiều lí do xuất phát từ cả hai phía: người sử dụng và các giới hữu trách trong xã hội. Dưới đây là một bảng kê các nguyên do đã được thức giả trực tiếp hay gián tiếp nêu lên trong các cuộc bàn luận về vấn đề này:

1. Các nhà chế tác hệ thống chữ quốc ngữ:

Chữ quốc ngữ ra đời vì là một công cụ truyền giảng của các giáo sĩ phương tây. Trong lúc sử dụng, họ đã không tránh khỏi việc dựa vào chính tả tiếng nước họ để ghi tiếng Việt. Một thí dụ: người Pháp không đọc c / k / trước nguyên âm hẹp e, ê, i nên phải dùng k trước các nguyên âm này. Cũng thế, khi de Rhodes viết ia, iêu, iên theo như nguyên tắc (a) chẳng hạn, các bạn đồng sự của ông vốn tinh thông tiếng Latin có thể đọc là ja, jêu, jên, vì i ở đầu âm tiết có thể đọc

là j trong tiếng Latin. Vì lẽ đó, ông dùng y trong trường hợp này [và trở thành nguyên tắc (c)] để tránh lầm lẫn. Nhưng tiện lợi này chỉ dành cho các vị giáo sĩ phương tây mà thôi, vì người Việt không có sự lầm lẫn đó: iê không bao giờ có thể đọc là jê cả. Sự cẩn thận của thời de Rhodes trở thành một phiền toái cho người Việt ngày nay, vì họ đã thấy viết ia, iêu, iên là không quen mắt, và do vậy là không hợp lí !

Trường hợp viết i có chún môi trong các chữ huỷ, quĩ, tuy, thúy cũng có những nguyên do từ người sáng chế ra chữ quốc ngữ. De Rhodes có viết huiện, quiên. Có thể suy từ nguyên tắc (a) đó mà viết hui, quĩ, tui, thúi được lắm chứ ! Nhưng vào thời đó đã chấp nhận i bán âm đứng cuối âm tiết (*nguyên tắc (b)*) nên phải đổi sang y: huỷ. Sự bất nhất này như thế là đã kéo đi từ thời de Rhodes, mà nguyên do chỉ là vì thiếu dứt khoát trong việc chọn kí hiệu dành cho nguyên âm / i / và một cho bán âm / i /.

Một số tác giả trước đây thường lấy Alexandre de Rhodes làm mẫu mực về chính tả i và y. Thật ra, những phân tích trên đã cho thấy chính thời de Rhodes đã không nhất quán trong bốn nguyên tắc chính tả được đúc kết trong Từ điển Việt-Bồ-La.

2. Sự bất nhất của các nhà từ điển:

Những sự bất nhất buổi đầu như đã thấy trong từ điển de Rhodes có thể tránh được về sau, nếu như các nhà làm từ điển sau de Rhodes biết điển chế hoá các nguyên tắc chính tả thời trước để lại. Tình hình lại hoàn toàn trái ngược: như phần trên đã phân tích, càng về sau, các nhà làm từ điển trong hội truyền giáo phương tây đã chỉ làm rối loạn thêm các nguyên tắc do de Rhodes để ra, nhất là nguyên tắc (a) càng về sau càng bất nhất.

3. Thói quen tùy tiện của người sử dụng:

Đòi hỏi các vị thừa sai phải chính xác về mặt chính tả tiếng Việt thì kể ra cũng quá đáng. Nhưng nhà nước, giới trí thức, nhà trường và giới truyền thông Việt Nam trước đây đã không làm tròn trách nhiệm của mình cho việc giữ gìn tiếng Việt được tinh xác. Tất cả đều hành xử theo lẽ thói tùy tiện, dễ dãi, và không hề băn khoăn về hệ quả của thái độ tắc trách của mình. Một thí dụ điển hình: Bộ Giáo Dục miền nam chỉ thị rõ là chính tả tiếng Việt cần căn cứ vào Việt Nam Tự Điển của hội Khai Trí Tiến Đức. Thực tế thì trường sư phạm, nhà trường phổ thông đều không quan tâm đến lối viết chữ i và y ở trong bộ từ điển đó ra sao để mà theo. Từ rất lâu, Trần Trọng Kim và các cộng sự của ông đã rất ý thức điều này khi soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt vào đầu thế kỉ này. Các vị viết trong một lời dặn thầy cô giáo như thế này: Chữ y gọi là y dài là có ý lấy hình chữ viết dài và âm đọc cũng dài bằng hai chữ i thường (?), tuy vậy lúc đọc cũng gọi là i mà thôi. Chữ y dài thường hay dùng lẫn với chữ i ngắn, không lấy gì làm nhất định, như lí thường hay viết là lý, mỹ viết là mỹ.

4. Không có chính sách ngôn ngữ hợp lí:

Trách nhiệm này thuộc về nhà nước. Với chức năng điều giải và tạo điều kiện cho sinh hoạt văn hoá-giáo dục được phát triển, đáng ra các chính quyền nối tiếp nhau phải có trách nhiệm thực hiện những đề nghị của các giới chuyên môn liên quan đến vấn đề sửa đổi chính tả hoặc cải tiến chữ quốc ngữ. Thiếu một chính sách ngôn ngữ hữu hiệu cho nên chính quyền nào đó có thể tổ

chức một đại hội lớn lao để thống nhất ngôn ngữ nhưng đã tránh né việc thống nhất thật sự. Kết cục là những đợt sửa đổi chính tả chữ quốc ngữ đều không thành. Một thời kì dài như thế chỉ còn đọng lại mây công phu của vài cá nhân đi tiên phong, nhưng đã không hề được công luận dành cho sự chú ý và hỗ trợ cần thiết để đẩy nhanh việc diễn chế hoá chính tả tiếng Việt.

MỘT VÀI ĐỀ NGHỊ

Đứng trước tình hình như thế, chúng ta bây giờ có thể làm gì được không? Trước kia, các nhà ngữ học miêu tả Mĩ cho rằng ngôn ngữ là hiện tượng sinh hoạt tự nhiên của xã hội, và vì thế nhà ngữ học chỉ có thể miêu tả chúng mà không thể đặt vấn đề "*sửa đổi*", "*cải cách*". Chúng tôi không tán thành quan điểm như thế, nên thử đặt lại vấn đề "*tiêu chuẩn hoá*" một số vấn đề chính tả. Hưởng ứng các đề nghị của những người đi trước, chúng tôi đề nghị nên tiêu chuẩn hoá chính tả hai chữ i và y trong chừng mức ít xáo trộn nhất.

Hiện nay, ở thời điểm cuối thế kỉ này, cách chính tả hai chữ i và y đã có những khuynh hướng khác biệt nhau về chi tiết đối với nguyên tắc (a) từ thời De Rhodes. Sách báo tiếng Việt trong nước và hải ngoại đều cho thấy tính cách bất nhất khi viết nguyên âm / i /. Người sử dụng chỉ lặp lại một tập quán chính tả đã quen thuộc với mình, nên chỉ có hiện tượng tồn tại song đôi các lối viết như: sĩ / sỹ, tị (nạn)/ ty (nạn), mĩ / mỹ, kí / ký... Ngoại trừ sự khác biệt này, có thể nói là cách viết chính tả chữ i và y hiện nay có hệ thống mạch lạc trong chính nó. Bảng 2 dưới đây phác lại hệ thống đó, dựa trên mối quan hệ ngữ âm và mặt chữ; qua đó có thể nhận ra những mối quan hệ ngữ âm trong hệ thống, và từ đó có thể định đoạt cách viết i hay y cho phù hợp với hệ thống:

1. phần âm chính của âm tiết viết I . Âm / i / là âm chính
2. tổ hợp âm / ie / ở đầu âm tiết (âm tiết có yê ở đầu)
3. đứng trong tổ hợp âm chún môi / u / viết Y (âm tiết có tổ hợp uy và uyê)

Âm / i / là bán âm 4 đứng sau nguyên âm thường/dài viết I (ở cuối âm tiết) 5 đứng sau nguyên âm ngắn viết Y

(Bảng 2)

Để đưa hệ thống mô tả ở Bảng trên vào việc thực hành chính tả cách viết hai chữ i và y, có thể cụ thể hoá thành những quy tắc như được ghi trong **Bảng 3** dưới đây:

Chỉ viết Y trong những trường hợp sau đây:

1. khi tổ hợp âm / ie / ở đầu một tiếng.

Ví dụ: yên , yêu , yết.

2. trong các tổ hợp âm chúm môi / ui / và / uie / (viết là uy, uyê, uya.)

Ví dụ: uy, chuyện, khuya, nguy , tuy ..

3. ở sau âm ngắn của a [trong chính tả hiện nay cũng viết bằng đồ vị / a/] và âm ngắn của ơ [tức là đồ vị /â/].

Ví dụ: cay, dày, may, cây, đây, mây.

Chỉ viết I trong những trường hợp sau đây:

4. khi âm / i / là nguyên âm, hay là phần âm chính của âm tiết.

Ví dụ: i , bí, chim, hí, kìm, lì, lính, sĩ, tị, vì, vinh.

5. khi âm / i / là bán âm, đứng sau phần âm chính đọc bình thường, để khép âm tiết.

Ví dụ: ngùi, đỏi, người, củi, hời, trai.

(Bảng 3)

Năm quy tắc trên là đúc kết từ những điểm đã được dùng làm phương châm chính tả trong khi soạn từ điển, được dùng trong sách báo, và được giảng dạy trong nhà trường.

Những quy tắc trên có còn trung thành hay đã vượt bỏ bốn nguyên tắc chính tả thời de Rhodes? Câu trả lời là: Có. Hơn thế nữa, năm quy tắc trên đây đã tập đại thành từ những kinh nghiệm điển chế các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ qua bao đời để cho bốn nguyên tắc kia thêm hợp lí hơn, nhất quán hơn. Một điểm lợi trên thực tế là năm quy tắc nêu trên đã loại bỏ được rất nhiều những trường hợp ngoại lệ mà bốn nguyên tắc cũ tạo ra. Duyệt lại năm quy tắc trên, chúng ta có thể hợp lí hoá những trường hợp trước kia bị xem là lạc ra khỏi quy tắc:

Quy tắc 1 loại bỏ được những trường hợp trước đây có người muốn triệt để dùng i trong tổ hợp âm / ie / ; chẳng hạn: iêu dẫu, iêu kém, niêm iết... Tất nhiên là nếu giữ được đúng nguyên tắc một

âm một kí hiệu thì phải như thế. Nhưng hiện tình chính tả tiếng Việt chưa chấp nhận xu hướng này.

Quy tắc 2 loại khỏi chính tả tiếng Việt những kiểu áp dụng chính tả nay đã không còn được chấp nhận dù cho chúng có thể đúng nguyên tắc kí âm: huiện, quiễn, huì hoại, ma qui, thúi kiều, thúi nga... Quy tắc này có thể giải toả những lúng túng thường gặp trước đây khi chúng ta tách âm / ui / (viết là uy) trong âm tiết có âm đầu / k / (viết là q) khỏi hệ thống.

Quy tắc 3 và quy tắc 5 không gây ra những tranh luận nào về vai trò của i và y bán âm.

Quy tắc 4 là mục tiêu của nhiều tranh luận từ xưa nay. Những quy tắc khác đã giúp cho quy tắc này trở nên rõ ràng hơn. Với quy tắc 4 thì ta đã có chuẩn mực để giải quyết những trường hợp chữ i và y đơn lập thành một âm tiết. Số lượng âm tiết có i đơn lập là sáu từ: (âm) i, (âm) i, (âm) ã, (đi) i, (đăng) í, (đứng) ì. Khi chấp nhận chuẩn là i như thế thì những từ dùng y đứng một mình có thể xem là ngoại lệ, và số lượng của chúng không nhiều lắm: y, ý, ÿ. Cả ba đều là những từ Hán Việt, và mục từ này không có các tiếng có giọng huyền, nặng và ngã. Cũng trong khuôn khổ quy tắc này, cần nhắc đến một ngoại lệ khác: (giặt) gya. Tổng cộng chỉ có bốn từ ngoại lệ.

Bảng đối chiếu dưới đây có thể giúp nhận ra khuôn dạng của nguyên tắc chính tả chữ i và y như đã ghi trong Từ điển Việt-Bồ-La so với hiện nay.

Tiếng Việt thế kỉ XVII Tiếng Việt hiện đại

- a) phần chính của âm tiết quy tắc (4) , và (2)
- b) bán âm với nguyên âm dài quy tắc (5)
- c) đứng đầu âm tiết quy tắc (1)
- d) bán âm với nguyên âm ngắn quy tắc (3)

(Bảng 4)

Những phân tích trên đây nhằm mục đích duyệt lại một vấn đề nhỏ nhưng lại khá phức tạp. Vấn đề chính tả một nguyên âm không phải là chuyện lớn. Nhưng vấn đề đã trở thành phức tạp ngay từ thế kỉ XVII vì có một số lẫn lộn giữa các âm vị khác nhau (*trong trường hợp chúng ta đang bàn đây thì là giữa nguyên âm / i / và một bán âm hẹp ở cuối âm tiết*), hoặc là dùng nhiều kí hiệu khác nhau để ghi một âm vị (*trong trường hợp này là hai chữ cái dùng để ghi một âm / i /, và cũng hai chữ cái ấy để ghi bán âm trong hai hoàn cảnh khác nhau.*) Đầu mối của sự rắc rối là từ đây. Cứ sự thường thì không thể giải quyết thật ổn thoả vấn đề chập lẫn như thế chỉ bằng những giải pháp cục bộ. Trên lí thuyết, có thể giải quyết vấn đề i và y qua giải pháp triệt để nhất và lí tưởng nhất, dựa trên nguyên lí một âm hiệu có một kí hiệu tương ứng. Nhưng đây lại là giải pháp

bất khả, vì ngôn ngữ là một công cụ xã hội, và đời sống của nó tùy thuộc vào sự ý thức và chấp nhận của xã hội. Những đề án cải tổ chữ quốc ngữ hoặc thống nhất ngôn ngữ cần quan tâm đến thói quen của xã hội để giúp điều chỉnh mà không gây nên những xáo trộn đối với xã hội.

Độc giả có thể nghĩ rằng chúng tôi quá thiên về mặt lịch đại (*diachronic*), nhưng chúng tôi tin là hướng tìm tòi như thế không hề có tính cách khảo cổ, mà chỉ muốn qua đó để nhận diện rõ hơn về những hiện tượng bất nhất hiện nay. Vì sự bất nhất đã hiển nhiên, nên chỉ chúng tôi đã chỉ miêu tả sơ sài trong bài viết mà thôi. Những tìm tòi vừa kể sẽ có ý nghĩa cho những ai có trách nhiệm (*những người quản lí vấn đề chính sách ngôn ngữ quốc gia, báo chí, và nhà trường*) để góp phần vào tiến trình chuẩn hoá ngôn ngữ.

Có thể trong tương lai xa, khi có những cải cách triệt để chính tả chữ quốc ngữ, năm quy tắc kia sẽ thay đổi chẳng. Nhưng đó là chuyện về sau. Trong điều kiện hiện nay, năm quy tắc đó có thể rút xuống mức thấp nhất những rối rắm về chính tả chữ i và y mà nguyên nhân chính là việc dùng một đồ vị để ghi hai âm vị khác hẳn nhau: i/y đều dùng để ghi nguyên âm / i / và bán âm cuối / j /. Sự lẫn lộn này đã có từ thời De Rhodes chứ không phải hoàn toàn là do người đi sau.

Những Quy Định về chính tả tiếng Việt năm 1980 và năm 1984 là những quy định tương đối ổn thoả nhất sau một thời thử nghiệm dài lâu. Những thay đổi đề ra trong các bản Quy Định vừa nhắc ở trên đã thừa nhận một nhu cầu cần sửa đổi vừa phải để chính tả được nhất quán hơn. Quy Định chính tả như thế chính là sự công nhận một công phu tập thể, công nhận những giá trị của quan điểm chính tả mà Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức và một số học giả đã bền bỉ mở đường trước đây. Đây là thành quả mà thế kỉ XX đã dành cho chữ quốc ngữ, sau khi đã trải một quá trình tích lũy kinh nghiệm lâu dài. Chuyện còn lại bây giờ là sự tiếp nối về thể hệ mai sau.

Đoàn Xuân Kiên

** Bài đăng trong tập san Định Hương 21 (1998)*